

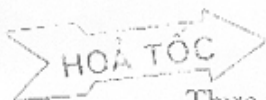
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **3454** /NHNN-CSTT
V/v báo cáo tình hình thực hiện
Quyết định số 432/QĐ-NHNN1

Hà Nội, ngày **11** tháng 5 năm 2010

Kính gửi: Các tổ chức tín dụng



Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đề nghị Quý Đơn vị báo cáo tình hình thực hiện Quyết định số 432/2000/QĐ-NHNN1 ngày 03/10/2000 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về nghiệp vụ huy động và sử dụng vốn bằng vàng, bằng VND bảo đảm giá trị theo giá vàng đến 30/4/2010 theo biểu đính kèm.

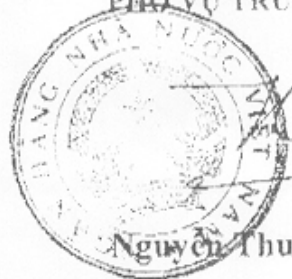
Báo cáo đề nghị gửi bằng văn bản về Vụ Chính sách tiền tệ chậm nhất vào ngày 18/5/2010, số Fax: 04.39364620; Email: phongcstt@sbv.gov.vn; Điện thoại liên hệ: 04.3268781 hoặc 04.39348857.

Rất mong sự hợp tác của Quý Đơn vị. *lc*

TL. THÔNG ĐỐC
KT.VỤ TRƯỞNG VỤ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Lưu VP, CSTT



Nguyễn Thu Hà

TÌNH HÌNH HUY ĐỘNG VỐN BẰNG VÀNG, BẰNG VND BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ THEO GIÁ VÀNG

Đơn vị: triệu đồng, lượng vàng, %

Thời gian	Số dư huy động vốn				Chuyển đổi vốn huy động vàng thành tiền								
	Tiết kiệm VND bảo đảm giá trị theo giá vàng (triệu đồng)	Chứng chỉ huy động			Chuyển đổi				Mục đích chuyển đổi (triệu đồng)				
		VND bảo đảm giá trị theo giá vàng (triệu đồng)	Vàng		Tổng số		Tỷ lệ chuyển đổi so với số dư huy động bằng vàng	Kinh doanh vàng	Kinh doanh sản phẩm vàng	Kinh doanh vàng trên tài khoản ở nước ngoài	Bảo hiểm rủi ro giá vàng	Mục đích khác	
			Số lượng vàng	Quy VND (triệu đồng)	Số lượng vàng	Quy VND (triệu đồng)							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
31/12/2009													
30/04/2010													

Ghi chú:

- Số dư ở cột (7) = (9) + (10) + (11) + (12) + (13)
- Nếu cột (6), (7) có số dư, đề nghị ghi cụ thể số tiền ứng với mỗi mục đích chuyển đổi tại các cột (9), (10), (11), (12), (13).
- Trong trường hợp có chuyển đổi vì mục đích khác, đề nghị có phần chú thích ghi rõ các mục đích này.

Lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)
Điện thoại liên hệ

Kiểm soát
(Ký và ghi rõ họ tên)
Điện thoại liên hệ

..., ngày tháng năm
Tổng giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN BẰNG VÀNG, BẰNG VND BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ THEO GIÁ VÀNG

Đơn vị: triệu đồng, lượng vàng, %

Thời gian	Số dư cho vay khách hàng không phải là TCTD									Sử dụng số vàng còn lại sau khi đã cho vay khách hàng không phải là TCTD và chuyển đổi thành tiền						
	Bằng vàng								Bằng VND bảo đảm giá trị theo giá vàng		Số dư vàng còn lại		Sử dụng để cho vay TCTD khác		Sử dụng các mục đích khác	
	Tổng dư nợ			Mục đích cho vay (lượng vàng)					Tổng dư nợ	Nợ quá hạn						
	Số lượng vàng	Quy VND (triệu đồng)	Nợ quá hạn (triệu đồng)	Sản xuất kinh doanh (trừ KD vàng)	Kinh doanh vàng	Kinh doanh trên sàn vàng	Lĩnh vực bất động sản	Mục đích khác			Số lượng vàng	Quy VND	Số lượng vàng	Quy VND	Số lượng vàng	Quy VND
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
31/12/2009																
30/04/2010																

Ghi chú:

- Số dư ở cột (3) = (5) + (6) + (7) + (8) + (9)
- Tại các cột (5), (6), (7), (8), (9), đề nghị ghi cụ thể số dư ứng với mỗi mục đích cho vay.
- Trong trường hợp cho vay với mục đích khác, đề nghị có phần chú thích ghi rõ các mục đích này.
- Số dư vàng còn lại = số dư huy động vàng - số dư chuyển đổi vàng thành tiền - số dư nợ cho vay bằng vàng
- Số dư sử dụng các mục đích khác = số dư vàng còn lại - số dư sử dụng để cho vay TCTD khác; đề nghị có chú thích ghi rõ các mục đích này.

Lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)
Điện thoại liên hệ

Kiểm soát
(Ký và ghi rõ họ tên)
Điện thoại liên hệ

..., ngày tháng năm
Tổng giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HUY ĐỘNG VÀ CHO VAY BẰNG VÀNG, BẰNG VND BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ THEO GIÁ VÀNG THEO KỶ HẠN CÒN LẠI

Đơn vị: lượng vàng, triệu đồng

Chỉ tiêu	Số lượng vàng	Số tiền (quy đổi)
I. Huy động vốn		
1. Huy động bằng vàng		
a. Dưới 01 tháng		
b. Từ 01 đến dưới 06 tháng		
c. Từ 06 tháng đến dưới 12 tháng		
d. Từ 12 tháng đến dưới 24 tháng		
e. Từ 24 tháng đến dưới 60 tháng		
f. Từ 60 tháng trở lên		
2. Huy động VND bảo đảm giá trị theo giá vàng		
a. Dưới 01 tháng		
b. Từ 01 đến dưới 06 tháng		
c. Từ 06 tháng đến dưới 12 tháng		
d. Từ 12 tháng đến dưới 24 tháng		
e. Từ 24 tháng đến dưới 60 tháng		
f. Từ 60 tháng trở lên		
II. Cho vay		
1. Cho vay bằng vàng		
a. Dưới 01 tháng		
b. Từ 01 đến dưới 06 tháng		
c. Từ 06 tháng đến dưới 12 tháng		
d. Từ 12 tháng đến dưới 24 tháng		
e. Từ 24 tháng đến dưới 60 tháng		
f. Từ 60 tháng trở lên		
2. Cho vay bằng VND bảo đảm giá trị theo giá vàng		
a. Dưới 01 tháng		
b. Từ 01 đến dưới 06 tháng		
c. Từ 06 tháng đến dưới 12 tháng		
d. Từ 12 tháng đến dưới 24 tháng		
e. Từ 24 tháng đến dưới 60 tháng		
f. Từ 60 tháng trở lên		

Ghi chú:

- Số dư huy động và cho vay bằng vàng được phân chia theo kỳ hạn thực tế còn lại tính đến thời điểm 30/4/2010.

- Đơn vị tính là lượng vàng, có quy đổi ra triệu đồng.

Lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)
Điện thoại liên hệ

Kiểm soát
(Ký và ghi rõ họ tên)
Điện thoại liên hệ

..., ngày tháng năm
Tổng giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Tên TCTD: ...

Biểu 4

LÃI SUẤT HUY ĐỘNG VÀ CHO VAY BẰNG VÀNG, BẰNG VND BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ THEO GIÁ VÀNG

Đơn vị: %/năm

Thời gian	Cho vay phổ biến				Huy động vốn phổ biến			
	3 tháng	6 tháng	12 tháng	>12 tháng	3 tháng	6 tháng	12 tháng	> 12 tháng
31/12/2009								
30/04/2010								

Lập biểu

(Ký và ghi rõ họ tên)

Điện thoại liên hệ

Kiểm soát

(Ký và ghi rõ họ tên)

Điện thoại liên hệ

..., ngày tháng năm

Tổng giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)